Bài tập 1:

A black screen with white text

AI-generated content may be incorrect.

Bài tập 2:

A diagram with white text and white circles

AI-generated content may be incorrect.

Bài tập 3:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| User Case A | User Case B | Mối quan hệ | Giải thích |
| Đặt hàng | Kiểm giỏ hàng | <<include>> | Khi đặt hàng phải luôn kiểm tra giỏ hàng. Bắt buộc trong quá trình đặt hàng |
| Đặt hàng | Xem đánh giá | <<extend>> | Khách có thể xem đánh giá sản phẩm trước khi mua.Nếu không xem đơn vẫn mua được |
| Đặt hàng | Đề xuất hóa đơn | <<extend>> | Hệ thống đề xuất hóa đơn, thanh toán chi tiết. Chức năng mở rộng không bắt buộc |
| Kiểm tra giỏ hàng | Xem đánh giá | Không có | Kiểm tra giỏ hàng không liên quan đến xem đánh giá, 2 hành động độc lập nhau |

Bài tập 4:

A black grid with white text and black figures

AI-generated content may be incorrect.

Bài tập 5:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Actor | Loại | Use Case phục vụ |
| Khách hàng | Primary | Đăng ký/Đăng nhập; Tìm quán / tìm món; Đặt đơn hàng; Thanh toán đơn hàng; Theo dõi trạng thái giao hàng |
| Nhà hàng | Primary | |  | | --- | |  |  |  | | --- | | Nhận đơn hàng mới; Cập nhật trạng thái món (đang nấu / hết món); Xác nhận đã chuẩn bị xong để giao; Quản lý menu / giá | |
| Tài xế giao hàng | Primary | Nhận đơn giao; Xác nhận đã lấy món; Giao hàng cho khách; Cập nhật trạng thái “đã giao thành công” |
| Bộ phận CSKH | Secondary | Xử lý khiếu nại đơn hàng; Hỗ trợ hoàn tiền / đổi món; Khoá tài khoản vi phạm; Liên hệ khách/tài xế khi có sự cố |
| Cổng thanh toán | Secondary | |  | | --- | |  |  |  | | --- | | Xác thực thanh toán; Xử lý giao dịch thẻ / ví điện tử; Thông báo kết quả thanh toán (thành công / thất bại) cho hệ thống chính | |

Bài tập 6:

1.Tên: Đặt hàng

2.Actor:

**Khách hàng** (người đặt món / mua hàng)

**Hệ thống** (app / website xử lý đơn hàng)

**Cổng thanh toán** nếu thanh toán online

3.Mục tiêu:

Khách hàng muốn đặt hàng thành công.

4. Luồng chính:

- Khách hàng chọn các sản phẩm/món ăn và mở giỏ hàng.

-Khách hàng nhấn “Đặt hàng”.

-Hệ thống hiển thị thông tin tóm tắt đơn hàng (danh sách món, số lượng, giá tạm tính, phí vận chuyển, địa chỉ giao hàng).

-Khách hàng chọn / xác nhận địa chỉ giao hàng.

-Khách hàng chọn phương thức thanh toán (ví dụ: tiền mặt khi nhận, ví điện tử, thẻ).

-Khách hàng nhấn “Xác nhận đặt hàng”.

-Hệ thống:

kiểm tra giỏ hàng còn hợp lệ (còn hàng, số lượng cho phép),

tính tổng tiền cuối cùng.

-Nếu thanh toán online:

Hệ thống gửi thông tin thanh toán sang cổng thanh toán.

Cổng thanh toán phản hồi “thành công”.

-Hệ thống tạo đơn hàng và gán mã đơn hàng.

-Hệ thống thông báo “Đặt hàng thành công” cho khách hàng và hiển thị mã đơn + thời gian dự kiến giao.

5. Luồng lỗi

**Hết hàng**

Tại bước 7, nếu một món trong giỏ đã hết hàng hoặc không đủ số lượng:

Hệ thống báo “Món X không còn đủ số lượng”.

Hệ thống yêu cầu khách chỉnh giỏ hàng (giảm số lượng hoặc xóa món).

Quay lại bước 3 để xác nhận lại đơn.

**Thanh toán online lỗi**

Ở bước 8, nếu cổng thanh toán trả về lỗi (ví dụ: thẻ bị từ chối / ví không đủ tiền):

Hệ thống thông báo “Thanh toán thất bại”.

Khách hàng có thể:

chọn phương thức thanh toán khác, quay lại bước 5,

hoặc hủy đặt hàng.

Bài tập 7:

A diagram of a person's diagram

AI-generated content may be incorrect.

Bài tập 8:

-APP: **Grab**

- Actor:

1. Khách hàng: Người dùng app Grab để đặt xe, xem tài xế đang tới đâu, thanh toán, đánh giá chuyến đi…

2. Tài xế: Người nhận cuốc, đến đón khách, hoàn thành chuyến đi và nhận tiền.

3. Hệ thống thanh toán: Dịch vụ trung gian xử lý thanh toán không tiền mặt (ví điện tử, thẻ).

- Use Case:

1 **Đặt xe**

+Khách yêu cầu chuyến đi từ điểm A đến điểm B.

2 **Theo dõi tài xế**

+Khách xem vị trí hiện tại của tài xế đang tới đón.

+Tài xế cũng “xuất hiện” trong luồng này (được định vị GPS).

3**Thanh toán**

+Khách thanh toán cho chuyến đi (tiền mặt hoặc ví/thẻ).

+Có tương tác với Hệ thống thanh toán nếu là thanh toán điện tử.

**4Nhận khuyến mãi**

+Khách áp mã giảm giá / voucher vào chuyến đi.

5**Gửi đánh giá**

+Sau chuyến đi, khách chấm sao và nhận xét tài xế.

3. Quan hệ include:

Khi Khách **Đặt xe**, hệ thống **luôn** phải hiển thị tình trạng tài xế đang đến

A diagram of a person's relationship

AI-generated content may be incorrect.

Bài tập 9:

A diagram of a person

AI-generated content may be incorrect.

Bài tập 10:

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.